ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 236/TB-UBND	*Đại Đồng, ngày 27 tháng 10 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai quyết định điều chỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của 03 hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Quyết định từ số 1512/QĐ-UBND đến số 1514/QĐ-UBND ngày 27/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng về việc điều chỉnh phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ của 03 hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;

UBND xã Đại Đồng niêm yết công khai quyết định điều chỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của 03 hộ gia đình, cá nhân để thực hiện để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên từ ngày 27/10/2026.

Địa điểm công khai tại:

- Trụ sở UBND xã Đại Đồng;
- Nhà văn hoá thôn Lương Tài, xã Đại Đồng;
- Nhà văn hóa thôn Tân Hưng, xã Đại Đồng.

Giao phòng Văn hóa - Xã hội xã Đại Đồng đăng tải trên cổng thông tin điện tử của xã Đại Đồng; Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Đại Đồng và cơ sở các thôn Lương Tài, Tân Hưng thông báo rộng rãi trên hệ thống loa truyền thanh của xã, thôn để nhân dân được biết./.

Nơi nhận:
- UBND xã Đại Đồng;
- Phòng Văn hóa - Xã hội xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã;
- Cơ sở các thôn Lương Tài, Tân Hưng;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chương



ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐẠI ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1512/QĐ-UBND	*Đại Đồng, ngày 27 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của các ông (bà) Bùi Văn Ngãi, Đỗ Thị Nhàn, Bùi Văn Tuy, Bùi Văn Dũng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội số: số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; 187/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; số 40/2026/QH16 ngày 24/8/2026 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-CP ngày 13/5/2025 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 187/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phần quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 30/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 về việc ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 32/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 về việc thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, làm chủ đầu tư các dự án phục vụ giải phóng mặt bằng thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 10/9/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt dự án thành phần 9: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận tỉnh Hưng Yên thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 235/UBND-TH ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 19/5/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc triển khai thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. UBND huyện triển khai các nội dung liên quan đến dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 31/7/2026 của UBND xã Đại Đồng về Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện

dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng tại xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên (giai đoạn 2);

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-HĐ ngày 05/11/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa phận xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên (giai đoạn 1);

Căn cứ Công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 20/8/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng thông báo thu hồi đất để thực hiện để dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa phận xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tổ chuyên môn giúp việc khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng tại xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Thông báo số 186/TB-UBND ngày 13/7/2026 của UBND xã Đại Đồng về việc hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của Chủ tịch UBND xã về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình 359/TTr-KT ngày 27/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của ông (bà) Bùi Văn Ngãi, Đỗ Thị Nhàn, Bùi Văn Tuy, Bùi Văn Dũng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên, cụ thể:

1. Điều chỉnh Mục 2 tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng như sau:

- Nội dung được điều chỉnh: Số tiền bồi thường, hỗ trợ là **68.057.115** đồng.

2. Lý do điều chỉnh: Do quá trình lập phương án bồi thường, hỗ trợ có sự nhầm lẫn số tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản, cây trồng trên đất.

(Có phương án chi tiết tài sản, cây trồng trên đất kèm theo)

3. Các nội dung khác tại các Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng không thay đổi.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Văn phòng HĐND-UBND xã chủ trì, phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường sắt thực hiện việc niêm yết công khai quyết định điều chỉnh phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND xã Đại Đồng và nhà văn hóa thôn Lương Tài; giao quyết định này cho các ông (bà) có tên nêu trên.

2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường sắt chủ trì, phối hợp với Chủ đầu tư thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi theo quy định.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày các ông (bà) nêu trên nhận tiền bồi thường, hỗ trợ phải bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của xã Đại Đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã; Các cơ quan đơn vị có liên quan và người sử dụng đất nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Chuẩn

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN, CÂY CỐI, HOA MÀU CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH THÔN LƯƠNG TÀI, THÔN TÂN HƯNG ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐẠI ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng)

STT	Họ và tên	Họ tên người có đất thu hồi	Số tờ bản đồ trích lục	Số thửa theo trích lục	Diện tích thu hồi	Số tiền tại Quyết định 1430/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng	Bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu						Số cây trong mật độ	Số cây vượt mật độ	Thành tiền trong mật độ	Thành tiền vượt mật độ	Tỷ lệ BTHT (%)	Số tiền điều chỉnh (đ)
							BTHT tài sản vật kiến trúc	BTHT cây cối, hoa màu	SL	Đơn vị tính	Quy cách đặc điểm	Đơn giá (đ)						
1	**Bùi Văn Ngãi**				**88,6**	**20.284.422**												**17.637.115**
		Bùi Văn Ngãi	80	200	88,6			Cây nhãn	2	Cây	20cm ≤ ĐK gốc < 30cm	3.850.000	0	0	0	0	50,0%	0
		Đỗ Thị Nhàn					Nhà tạm xây gạch chỉ tường 110, mái tôn khung thép hộp mạ kẽm		70,54	m2sàn	Dài x rộng =7,3*5,8+6*4,7(m)	2.108.303					10,0%	14.871.969
		Bùi Văn Tuy					Bể nước xây tường 110		2,295	m3	Dài x rộng =1,7*1,35*1(m)	1.909.855					10,0%	438.312
		Bùi Văn Dũng					Cổng sắt rộng 3m		5,4	m2	Dài x rộng =3*1,8(m)	138.693					10,0%	74.894
							Sân bê tông dày 10cm kích thước 3x5m		15	m2	Dài x rộng =3*5(m)	327.172					10,0%	490.759
							Lò nấu dầu xây gạch xỉ		1,961675	m3	Dài x rộng =(2,1*1,25*1)-2*(3,14*0,325*0,325*1)(m)	1.671.993					10,0%	327.991
							Hàng rào lưới thép B40		33,3	m2	Dài x rộng =18,5*1,8(m)	183.342					10,0%	610.528
							Tường rào xây gạch chỉ, chiều dày 22cm, cao 1m, dài 18.5m		4,07	m3	Dài x rộng =18,5*1*0,22(m)	2.021.287					10,0%	822.664



ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐẠI ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1513/QĐ-UBND	*Đại Đồng, ngày 27 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của các ông (bà) Vũ Đình Doãn, Vũ Văn Dưỡng, Vũ Thị Giảng, Lê Ngọc Huế để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội số: số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; 187/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; số 40/2026/QH16 ngày 24/8/2026 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-CP ngày 13/5/2025 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 187/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phần quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 30/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 về việc ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 32/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 về việc thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, làm chủ đầu tư các dự án phục vụ giải phóng mặt bằng thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 10/9/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt dự án thành phần 9: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận tỉnh Hưng Yên thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 235/UBND-TH ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 19/5/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc triển khai thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. UBND huyện triển khai các nội dung liên quan đến dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 31/7/2026 của UBND xã Đại Đồng về Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện

dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng tại xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên (giai đoạn 2);

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-HĐ ngày 05/11/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa phận xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên (giai đoạn 1);

Căn cứ Công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 20/8/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng thông báo thu hồi đất để thực hiện để dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa phận xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tổ chuyên môn giúp việc khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng tại xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Thông báo số 186/TB-UBND ngày 13/7/2026 của UBND xã Đại Đồng về việc hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của Chủ tịch UBND xã về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình 359/TTr-KT ngày 27/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của ông (bà) Vũ Đình Doãn, Vũ Văn Dưỡng, Vũ Thị Giảng, Lê Ngọc Huế để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên, cụ thể:

1. Điều chỉnh Mục 2 tại Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng như sau:

- Nội dung được điều chỉnh: Số tiền bồi thường, hỗ trợ là **2.357.260.120** đồng.

2. Lý do điều chỉnh: Do quá trình lập phương án bồi thường, hỗ trợ có sự nhầm lẫn số tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản, cây trồng trên đất.

(Có phương án chi tiết tài sản, cây trồng trên đất kèm theo)

3. Các nội dung khác tại các Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng không thay đổi.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Văn phòng HĐND-UBND xã chủ trì, phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường sắt thực hiện việc niêm yết công khai quyết định điều chỉnh phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND xã Đại Đồng và nhà văn hóa thôn Tân Hưng; giao quyết định này cho các ông (bà) có tên nêu trên.

2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường sắt chủ trì, phối hợp với Chủ đầu tư thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi theo quy định.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày các ông (bà) nêu trên nhận tiền bồi thường, hỗ trợ phải bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thôn tin điện tử của xã Đại Đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã; Các cơ quan đơn vị có liên quan và người sử dụng đất nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Chuẩn

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN, CÂY CỐI, HOA MÀU CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH THÔN LƯƠNG TÀI, THÔN TÂN HƯNG ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐẠI ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng)

STT	Họ và tên	Họ tên người có đất thu hồi	Số tờ bản đồ trích lục	Số thửa theo trích lục	Diện tích thu hồi	Số tiền tại Quyết định 1433/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng	Bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu						Số cây trong mật độ	Số cây vượt mật độ	Thành tiền trong mật độ	Thành tiền vượt mật độ	Tỷ lệ BTHT (%)	Số tiền điều chỉnh (đ)
							BTHT tài sản vật kiến trúc	BTHT cây cối, hoa màu	SL	Đơn vị tính	Quy cách đặc điểm	Đơn giá (đ)						
1	**Vũ Đình Doãn**				**2.578,1**	**996.507.022**												**921.465.120**
		Vũ Đình Doãn	81	254	2578,1			Cây nhãn	9	Cây	ĐK gốc từ 30cm trở lên	4.500.000	9	0	40.500.000	0	80,0%	32.400.000
		Vũ Văn Dưỡng						Cây nhãn	32	Cây	20cm ≤ ĐK gốc < 30cm	3.850.000	32	0	123.200.000	0	80,0%	98.560.000
		Vũ Thị Giảng						Cây nhãn	4	Cây	12cm ≤ ĐK gốc < 20cm	3.750.000	4	0	15.000.000	0	80,0%	12.000.000
		Lê Ngọc Huế						Cây vải	3	Cây	20cm ≤ ĐK gốc < 30cm	3.850.000	0	3	0	5.775.000	80,0%	4.620.000
								Cây bưởi	9	Cây	12cm ≤ ĐK gốc < 20cm	2.500.000	0	9	0	11.250.000	80,0%	9.000.000
								Cây bưởi	20	Cây	8cm ≤ ĐK gốc < 12cm	1.800.000	0	7	0	6.300.000	80,0%	5.040.000
								Cây mít	1	Cây	40cm < ĐK gốc ≤ 60cm	2.800.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây mít	4	Cây	25cm < ĐK gốc ≤ 40cm	2.000.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây mít	2	Cây	15cm < ĐK gốc ≤ 25cm	1.500.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây mít	3	Cây	8cm < ĐK gốc ≤ 15cm	1.000.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây mít	15	Cây	2cm ≤ ĐK gốc < 4cm	250.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây xà cừ	2	Cây	40cm< ĐK ≤ 60cm	1.195.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây xoài	1	Cây	8cm ≤ ĐK gốc < 12cm	850.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây xoài	3	Cây	5cm ≤ ĐK gốc < 8cm	550.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây khế	3	Cây	5cm ≤ ĐK gốc < 8cm	550.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây sung	2	Cây	10cm< ĐK ≤ 15cm	350.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây sấu	1	Cây	25cm< ĐK ≤ 40cm	520.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây sưa	23	Cây	8cm< ĐK ≤ 15cm	400.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây cau	7	Cây	20cm ≤ ĐK gốc < 25cm	320.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây cau	10	Cây	9cm ≤ ĐK gốc < 12cm	140.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây cau	95	Cây	2cm ≤ ĐK gốc < 6cm	75.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây cau	20	Cây	ĐK<2cm (cây đã phân cành lá, bộ rễ đầy đủ)	60.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây tre	3	Khóm	Khóm từ 5 cây trở lên	150.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây thanh long	6	Khóm	Cây ở thời kỳ cho thu hoạch	500.000	0	0	0	0	80,0%	0

STT	Họ và tên	Họ tên người có đất thu hồi	Số tờ bản đồ trích lục	Số thửa theo trích lục	Diện tích thu hồi	Số tiền tại Quyết định 1433/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng	Bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu						Số cây trong mật độ	Số cây vượt mật độ	Thành tiền trong mật độ	Thành tiền vượt mật độ	Tỷ lệ BTHT (%)	Số tiền điều chỉnh (đ)
							BTHT tài sản vật kiến trúc	BTHT cây cối, hoa màu	SL	Đơn vị tính	Quy cách đặc điểm	Đơn giá (đ)						
								Cây thanh long	35	Khóm	Cây ở giai đoạn chưa cho thu hoạch	250.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây ổi	1	Cây	20cm ≤ ĐK gốc < 30cm	800.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây na	3	Cây	12cm ≤ ĐK gốc < 20cm	600.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây hồng xiêm	1	Cây	2cm ≤ ĐK gốc < 7cm	230.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây chuối	2	Khóm	Khóm chuối có cây có buồng quả	200.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Cây đinh lăng	10	Cây	2cm ≤ ĐK gốc ≤ 4m	100.000	0	0	0	0	80,0%	0
								Ao thả cá(Cá trắm, chép, trôi, mè, rô phi)	500	m2		45.000	500		22.500.000	0	50,0%	11.250.000
							Nhà 01 tầng tường gạch 220, mái		81,9	m2sàn	=9*9,1(m)	2.930.249					50,0%	119.993.689
							Điện đồng bộ											4.799.748
							Móng đóng cọc tre (25 cọc/m2; dài 2,0m)		1.205,0	cọc	=25*48,2(m)	14.518					50,0%	8.747.095
							Trần ốp nhựa		81,9	m2	=9*9,1(m)	199.198					50,0%	8.157.173
							Tường vôi 1 nước trắng 2 nước màu		222,24	m2	=2*9*4,5+2*9,1*4,5+2*8,56*4,5+2*8,66*4,5-2*2,6*4,3*3-2*0,9*2,6*2-2*1,6*1*6(m)	17.847					50,0%	1.983.1
							5 cửa đi bằng gỗ		14,82	m2	=3*2,6*1,3+0,9*2,6*2(m)	1.451.800					50,0%	10.757.8
							6 cửa sổ bằng gỗ		9,6	m2	=6*1,6*1(m)	1.296.250					50,0%	6.222.000
							Tháo dỡ di chuyển Điều hòa 1800: 1 cái		1	cái		217.075					100,0%	217.075
							2. Nhà bếp											
							Nhà bếp tường 110, mái Fibro xi măng, kèo thép		65,36	m2sàn	=15,2*4,3(m)	2.721.648					50,0%	88.943.456
							Điện, nước gắn liền										50,0%	5.336.607
							Trong nhà ốp gạch 25x50 cao 2.5m		95,3	m2	=(2*(15,2-0,22)+2*(4,3-0,22))*2,5(m)	439.591					50,0%	20.946.488
							Tường vôi ve		216,844	m2	=2*15,2*3,2+2*4,3*3,2+2*(15,2-0,22)*3,2+2*(4,30,22)*3,2+15,2*4,3-95,3(m)	17.847					50,0%	1.934.982
							4 cửa đi bằng gỗ		8,8	m2	=4*1*2,2(m)	1.451.800					50,0%	6.387.920
							1 cửa sổ bằng gỗ		1,08	m3	=0,9*1,2(m)	1.296.250					50,0%	699.975
							Bể nước rộng 2x2.2m		13,2	m3	=2*2,2*3(m)	991.300					50,0%	6.542.583
							Bể phốt kích thước 1.5x 1.8x2.0		5,4	m3	=1,5*1,8*2(m)	2.470.042					50,0%	6.669.113
							Tháo dỡ di chuyển labavobo		1	cái		39.797					100,0%	39.797
							Tháo dỡ di chuyển xí bệt		1	cái		54.269					100,0%	54.269
							Tháo dỡ di chuyển tủ lạnh		1	cái		217.075					100,0%	217.075

STT	Họ và tên	Họ tên người có đất thu hồi	Số tờ bản đồ trích lục	Số thửa theo trích lục	Diện tích thu hồi	Số tiền tại Quyết định 1433/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng	Bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu						Số cây trong mật độ	Số cây vượt mật độ	Thành tiền trong mật độ	Thành tiền vượt mật độ	Tỷ lệ BTHT (%)	Số tiền điều chỉnh (đ)
							BTHT tài sản vật kiến trúc	BTHT cây cối, hoa màu	SL	Đơn vị tính	Quy cách đặc điểm	Đơn giá (đ)						
							Nhà tắm (trong khu bếp) ốp gạch 25x50 kích thước 2.0x3.0 cao 2.0m		10	m2	=2*2+2*3(m)	439.591					50,0%	2.197.953
							Giếng khoan sâu 50m		50	m	50(m)	94.114					50,0%	2.352.849
							3. Chuồng chăn nuôi											
							Chuồng chăn nuôi mái lợp fibro xi măng, cao 2.7m, kèo thép, tường 110		152,6	m2sàn	=20*4,3+4,5*14,8(m)	1.839.626					50,0%	140.363.430
							Điện đồng bộ											5.614.537
							Nhân công di chuyển 2 khung sắt nhốt lợn đẻ		2	m2		248.737					100,0%	497.474
							Bể biogas ngầm 9m3 xây gạch		9	m3		2.470.042					50,0%	11.115.188
							Hỗ trợ tháo dỡ di chuyển bể điều hòa 2m3 bằng nhựa		1	bể		820.542					100,0%	820.542
							Tường rào quanh nhà dài 136m xây gạch chỉ, chiều dày 22cm, cao 1.1m		32,912	m3	=136*0,22*1,1(m)	2.090.878					50,0%	34.407.492
							Tường rào quanh nhà dài 136m xây gạch chỉ, chiều dày 11cm, cao 1.1m		16,456	m3	=136*0,11*1,1(m)	2.300.645					50,0%	18.929.704
							4. Cổng, sân											
							Trụ cổng xây gạch kích thước 0.45x0.45 cao 2.5m (2 cái)		1,0125	m3	=0,45*0,45*2,5*2(m)	2.566.092					50,0%	1.299.084
							Tường cổng xây gạch chỉ, chiều dày 11cm bổ trụ vôi ve		0,715	m3	=2,6*2,5*0,11(m)	2.300.645					50,0%	822.480
							Cổng thép ống đường kính 21cm		5,25	m2	=2,1*2,5(m)	1.356.365					50,0%	3.560.458
							Trát trụ cổng		13	m2	=2*2,6*2,5(m)	129.904					50,0%	844.376
							Vôi ve trụ cổng		13	m2	=2*2,6*2,5(m)	16.881					50,0%	109.729
							Sân bê tông xi măng M200 dày 10cm		219,13	m2	=(6*9+6*2,8+((4,5+6)/2*23,4)+9,1*2,8)(m)	327.172					50,0%	35.846.651
							5. Mái đua mái sảnh nối công trình chính, kèo thép lợp tôn		54	m2	=6,0*9,0 (m)	628.679					50,0%	16.974.333
							6. Bờ kè ao											
							Kè ao chiều dài 142m, xây gạch chỉ chiều dày 22cm, 33cm		120,274	m3	=(1*0,33+0,22*1,9+0,22*0,45)*142(m)	1.991.367					50,0%	119.754.817

STT	Họ và tên	Họ tên người có đất thu hồi	Số tờ bản đồ trích lục	Số thửa theo trích lục	Diện tích thu hồi	Số tiền tại Quyết định 1433/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng	Bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu						Số cây trong mật độ	Số cây vượt mật độ	Thành tiền trong mật độ	Thành tiền vượt mật độ	Tỷ lệ BTHT (%)	Số tiền điều chỉnh (đ)
							BTHT tài sản vật kiến trúc	BTHT cây cối, hoa màu	SL	Đơn vị tính	Quy cách đặc điểm	Đơn giá (đ)						
							Kè ao chiều dài 142m, xây gạch chỉ chiều dày 11 cm		15,62	m3	=0,11*1*142(m)	1.991.367					50,0%	15.552.574
							Mái kè vuốt nối xuống đáy ao ốp gạch chỉ dài 142m		39,05	m3	=0,11*2,5*142(m)	1.991.367					50,0%	38.881.434

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐẠI ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1514/QĐ-UBND	*Đại Đồng, ngày 27 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của 03 hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội số: số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; 187/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; số 40/2026/QH16 ngày 24/8/2026 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-CP ngày 13/5/2025 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 187/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phần quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND

ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 30/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 về việc ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 32/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 về việc thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, làm chủ đầu tư các dự án phục vụ giải phóng mặt bằng thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 10/9/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt dự án thành phần 9: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận tỉnh Hưng Yên thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 235/UBND-TH ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 19/5/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc triển khai thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. UBND huyện triển khai các nội dung liên quan đến dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 31/7/2026 của UBND xã Đại Đồng về Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng tại xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên (giai đoạn 2);

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-HĐ ngày 05/11/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa phận xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên (giai đoạn 1);

Căn cứ Công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 20/8/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng thông báo thu hồi đất để thực hiện để dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa phận xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tổ chuyên môn giúp việc khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng tại xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Thông báo số 186/TB-UBND ngày 13/7/2026 của UBND xã Đại Đồng về việc hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện các dự án trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-UBND; số 799/QĐ-UBND và số 890/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 của Chủ tịch UBND xã về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 02/10/2026 của UBND xã Đại Đồng về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình 359/TTr-KT ngày 27/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đối với 03 hô gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên, cụ thể:

1. Điều chỉnh giảm kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống của 01 hộ gia đình, cá nhân đã được Chủ tịch UBND xã phê duyệt tại Quyết định số 708/QĐ-UBND

ngày 15/9/2026 do điều chỉnh giảm nhân khẩu nông nghiệp hiện tại của 01 hộ gia đình, cá nhân, cụ thể:

- Tổng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống của các ông (bà) Nguyễn Văn Phong, Nguyễn Thị Ươm, Nguyễn Văn Tá, Nguyễn Văn Sung được Chủ tịch UBND xã Đại Đồng phê duyệt tại Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 là 24.480.000 đồng.

- Tổng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống của các ông (bà) Nguyễn Văn Phong, Nguyễn Thị Ươm, Nguyễn Văn Tá, Nguyễn Văn Sung sau khi điều chỉnh giảm 01 nhân khẩu nông nghiệp số tiền còn lại là: 18.360.000 đồng.

- Tổng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống của các ông (bà) Nguyễn Văn Phong, Nguyễn Thị Ươm, Nguyễn Văn Tá, Nguyễn Văn Sung sau khi điều chỉnh giảm so với tổng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống được Chủ tịch UBND xã Đại Đồng phê duyệt tại Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 là 6.120.000 đồng.

2. Điều chỉnh tăng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống của 01 hộ gia đình, cá nhân đã được Chủ tịch UBND xã phê duyệt tại Quyết định số 799/QĐ-UBND và 890/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 do điều chỉnh tăng nhân khẩu nông nghiệp hiện tại, cụ thể:

- Tổng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống của các ông (bà) Nguyễn Văn Đào, Trần Thị Thu, Nguyễn Thị Hiền được Chủ tịch UBND xã Đại Đồng phê duyệt tại Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 là 18.360.000 đồng.

- Tổng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống của các ông (bà) Nguyễn Văn Đào, Trần Thị Thu, Nguyễn Thị Hiền sau khi điều chỉnh tăng 01 nhân khẩu nông nghiệp số tiền là 24.480.000 đồng.

- Tổng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống của các ông (bà) Nguyễn Văn Đào, Trần Thị Thu, Nguyễn Thị Hiền sau khi điều chỉnh tăng so với tổng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống được Chủ tịch UBND xã Đại Đồng phê duyệt tại Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 là 6.120.000 đồng.

3. Điều chỉnh tăng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống của 01 hộ gia đình, cá nhân đã được Chủ tịch UBND xã phê duyệt tại Quyết định số 890/QĐ-UBND và 890/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 do điều chỉnh tăng nhân khẩu nông nghiệp hiện tại, cụ thể:

- Tổng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống của các ông (bà) Khúc Chí Hưng, Nguyễn Thị Yến, Khúc Chí Lừng, Khúc Thị Thúy được Chủ tịch UBND xã Đại Đồng phê duyệt tại Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 là 30.600.000 đồng.

- Tổng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống của các ông (bà) Khúc Chí Hưng, Nguyễn Thị Yến, Khúc Chí Lừng, Khúc Thị Thúy sau khi điều chỉnh tăng 02 nhân khẩu nông nghiệp số tiền là 42.840.000 đồng.

- Tổng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống của các ông (bà) Khúc Chí Hưng, Nguyễn Thị Yến, Khúc Chí Lừng, Khúc Thị Thúy sau khi điều chỉnh tăng so với tổng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống được Chủ tịch UBND xã Đại Đồng phê duyệt tại Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 là 12.240.000 đồng.

(Kèm theo Danh sách chi tiết 03 hộ gia đình, cá nhân điều chỉnh kinh phí hỗ trợ)

4. Các nội dung khác tại các Quyết định số 708/QĐ-UBND; số 799/QĐ-UBND, số 890/QĐ-UBND ngày 15/92026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng không thay đổi.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Văn phòng HĐND-UBND xã chủ trì, phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường sắt thực hiện việc niêm yết công khai quyết định điều chỉnh phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND xã Đại Đồng; nhà văn hóa thôn Lương Tài và nhà văn hóa thôn Tân Hưng; giao quyết định điều chỉnh kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống đến 03 hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thôn tin điện tử của xã Đại Đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã; Các cơ quan đơn vị có liên quan và người sử dụng đất nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Chuẩn

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH 03 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐẠI ĐỒNG, TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 27/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Dại Đồng)

TT	Họ và tên người có đất thu hồi	Số quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của Chủ tịch UBND xã	Kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống đã được Chủ tịch UBND xã phê duyệt			Kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống khi điều chỉnh			Tổng tiền sau điều chỉnh (đồng)
			Số nhân khẩu nông nghiệp hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Thành tiền (đồng) (số khẩu X số tháng x 30kg gạo X 17.000 đồng)	Số nhân khẩu nông nghiệp hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Thành tiền (đồng) (số khẩu X số tháng x 30kg gạo X 17.000 đồng)	
1	Nguyễn Văn Phong	708/QĐ-UBND ngày 15/9/2026	4	12	24.480.000	3	12	18.360.000	**Giảm 6.120.000**
	Nguyễn Thị Ươm								
	Nguyễn Văn Tá								
	Nguyễn Văn Sung								
2	Nguyễn Văn Đào	799/QĐ-UBND ngày 15/9/2026	3	12	18.360.000	4	12	24.480.000	**Tăng 6.120.000**
	Trần Thị Thu								
	Nguyễn Thị Hiền								
3	Khúc Chí Hưng	890/QĐ-UBND ngày 15/9/2026	5	12	30.600.000	7	12	42.840.000	**Tăng 12.240.000**
	Nguyễn Thị Yến								
	Khúc Chí Lừng								
	Khúc Thị Thúy								